

BÁO CÁO

Đánh giá tình hình thực hiện dự toán 6 tháng đầu năm 2025, thuyết minh lập dự toán 2026 và xây dựng kế hoạch tài chính ngân sách nhà nước 03 năm giai đoạn 2026-2028

Kính gửi: Sở Tài chính tỉnh Sơn La

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Thực hiện Công văn số 2054/STC-QLNS ngày 24/6/2025 của Sở Tài chính về việc hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2026, kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 3 năm 202-2028;

Trên cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2025, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm 2026, trường Cao đẳng Sơn La báo cáo Sở Tài chính tình hình thực hiện dự toán 6 tháng đầu năm 2025 và thuyết minh lập dự toán năm 2026, như sau:

A. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU - CHI NĂM 2025

I. Thống kê số liệu thực hiện thu 6 tháng và ước thu cả năm 2025

ĐVT: 1.000 VNĐ

TT	Tên nguồn thu	Kế hoạch dự toán năm 2025	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2025	Ước thực hiện cả năm	Ước % đạt so với KH năm
1	Thu học phí chính quy học sinh, sinh viên Việt Nam	24.087.180	9.968.142	18.073.035	75%
2	Thu học phí LHS Lào tự túc	15.000		0	0%
3	Thu học phí hệ liên kết Đại học	341.000	764.359	764.424	224%
4	Thu học phí hệ bồi dưỡng ngắn hạn	645.000	168.124	168.508	26%
5	Thu khác	410.000	243.916	244.196	60%
	Tổng cộng	25.498.180	11.144.541	19.250.163	75%

II. Đánh giá tình hình thu sự nghiệp.

- Đánh giá thu 6 tháng đầu năm 2025: Thực hiện thu 6 tháng đầu năm đạt khoảng 43,71% so với kế hoạch thu cả năm, một số nguồn thu chưa đạt theo Kế hoạch đã đề ra.

- Đánh giá ước thực hiện thu cả năm 2025: Ước thực hiện thu cả năm: 19,25 tỷ đồng, đạt 75% so với kế hoạch đề ra. Do thu học phí hệ trung cấp, cao đẳng giảm, tình trạng bỏ học nhiều dẫn đến tổng nguồn thu sự nghiệp của nhà trường sụt giảm. Ngoài ra một số nhiệm vụ khác làm giảm nguồn thu như: Thu đào tạo lao động giảm do không tuyển sinh được, thu liên kết đại học giảm do không mở được lớp mới; không thực hiện ký hợp đồng đặt hàng với các cơ quan, đơn vị (bồi dưỡng giáo viên, đào tạo nghề nông thôn...), dẫn đến nguồn thu bị sụt giảm mạnh.

B. DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐÀO TẠO NĂM 2026

1. Thu sự nghiệp: 23.992.063.000 đồng

ĐVT: 1.000 VNĐ

STT	Tên nguồn thu	Ước thực hiện năm 2026
1	Thu học phí chính quy Sinh viên Việt Nam	23.142.063
3	Thu học phí hệ liên kết Đại học	300.000
4	Thu học phí hệ bồi dưỡng ngắn hạn	200.000
5	Thu tiền nhà ở ký túc xá	350.000
	Tổng nguồn thu	23.992.063

- Kinh phí cải cách tiền lương:

ĐVT: 1.000 VNĐ

STT	Diễn giải	Ước thực hiện năm 2026
I	Nguồn thu trích cải cách	23.642.063
1	Thu học phí chính quy	23.142.063
2	Thu học phí hệ liên kết	300.000
3	Thu học phí hệ bồi dưỡng, đào tạo ngắn hạn	200.000
II	Chi phí để thực hiện nguồn thu	18.833.650
1	Thu học phí chính quy (80% chi trả lương và chi phí khác theo chế độ tự chủ)	18.513.650
2	Chi phí hệ liên kết (60%)	180.000
3	Chi phí hệ bồi dưỡng, đào tạo ngắn hạn (70%)	140.000
	Nguồn thu để lại trích cải cách tiền lương	4.808.413
	Trích 40% CCTL	1.923.365

2. Hệ số lương chính, các khoản phụ cấp theo lương

a. Hệ số lương chính, các khoản phụ cấp theo lương:

+ Hệ số LNB: 1.780,18

+ PCUĐN: 365,79

- + PCVK: 1,89
- + PCCV: 25,55
- + PCKV: 137,50
- + PCTNN: 163,00
- + PC trách nhiệm: 2,00
- + PC Độc hại: 1,20
- + PC khác (Đoàn đội, chỉ huy DQ...): 6,84

b. Dự kiến hệ số nâng lương thường xuyên:

- + Hệ số LNB: 13,8
- + PCTNN: 8,9
- + PCUĐ: 4,9
- + PCVK: 5,5

c. Dự kiến hệ số biên chế dự kiến tuyển: 13 biên chế

- + Hệ số LNB: 30,42
- + PCUĐ: 9,13
- + PCKV: 6,50

d. Dự kiến tiền thưởng:

- + Hệ số LNB: 112,06

3. Số học sinh, sinh viên bình quân

3.1 Học sinh, sinh viên Việt Nam

- ***Học sinh, sinh viên khối ngành sư phạm*** (từ niên khóa 2023-2026 trở đi):
Có phụ lục dự toán chi tiết kèm theo.

- ***Học sinh, sinh viên khối ngành ngoài sư phạm*** (từ niên khóa 2023-2026 trở đi): *Có phụ lục dự toán chi tiết kèm theo.*

3.2. Lưu học sinh Lào (Có phụ lục dự toán chi tiết kèm theo)

4. Kinh phí chi hoạt động thường xuyên

4.1. Kinh phí tiền lương, phụ cấp lương và các khoản có tính chất lương; kinh phí tăng lương thường xuyên và chế độ khác theo quy định của nhà nước: 64.435.000.000.000 đồng (Phụ lục 1 kèm theo)

a. Kinh phí tiền lương, phụ cấp lương và các khoản trích theo lương: 58.346.000.000 đồng.

Trong đó:

- Kinh phí tiền lương: 49.987.000.000 đồng (*Phụ lục 1A*)
- Các khoản trích theo lương: 8.359.000.000 đồng (*Phụ lục 1B*)

b. Kinh phí nâng lương thường xuyên: 1.117.000.000 đồng

c. Kinh phí tuyển mới: 1.495.000.000 đồng

d. Kinh phí tiền thưởng: 3.475.000.000 đồng

4.2. Kinh phí chi nghiệp vụ chuyên môn, chi khác

- Hệ sơ phạm: 174.750.000 đồng (Phụ lục 2A kèm theo)
- Hệ ngoài sơ phạm: 2.666.333.000 đồng (Phụ lục 3A kèm theo)

4.3. Kinh phí đào tạo lưu học sinh Lào

- Kinh phí đào tạo: 4.406.250.000 đồng (Phụ lục 4A kèm theo)

5. Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên

- Hệ sơ phạm: (Phụ lục 2B kèm theo);
- Hệ ngoài sơ phạm: (Phụ lục 3B kèm theo);
- Kinh phí lưu học sinh Lào: (Phụ lục 4B kèm theo);
- Kinh phí chi cho hỗ trợ tập luyện và biểu diễn phục vụ các chương trình văn hóa nghệ thuật chính trị của ngành, của tỉnh: (Phụ lục 05 kèm theo);
- Kinh phí vận hành trạm biến áp: (Phụ lục 06 kèm theo);
- Kinh phí chi cho đào tạo cấp chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - An ninh: (Phụ lục 07 kèm theo);
- Kinh phí đón đoàn Lào (Phụ lục 08 kèm theo);
- Kinh phí Sửa chữa, nâng cấp hệ thống phòng cháy chữa cháy tại Cơ sở 1, Trường Cao đẳng Sơn La;
- Kinh phí Số hóa tài liệu, hồ sơ; bài giảng phục vụ công tác đào tạo;
- Kinh phí tinh giản biên chế.

TỔNG HỢP DỰ TOÁN NĂM 2026

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Nội dung	Kinh phí		Tổng số
		Hệ Sơ phạm	Hệ ngoài Sơ phạm	
1	Kinh phí chi hoạt động thường xuyên			7.311.768
1.1	Kinh phí tiền lương, phụ cấp lương và các khoản có tính chất lương khác			64.435
1.2	Kinh phí chi khác	174.750	2.666.333	2.841.083
1.3	Kinh phí đào tạo lưu học sinh Lào			4.406.250
2	Kinh phí chi hoạt động không thường xuyên			91.026.358
2.1	Hỗ trợ chi phí học tập theo NĐ 57	62.747	308.256	371.003
2.2	Kinh phí chi trợ cấp xã hội theo QĐ 194/2001/QĐ-TTg	177.520	3.490.088	3.667.608
2.3	Kinh phí chi khuyến khích theo Nghị quyết 124	576.374	8.985.393	9.561.767
2.4	Kinh phí miễn giảm học phí theo NĐ 81		22.023.263	22.023.263
2.5	Hỗ trợ sinh viên, học sinh nội trú theo Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg:	428.930	23.355.372	23.784.302
2.6	Kinh phí Nghị định 116/2020/NĐ-CP	6.325.040	-	6.325.040
2.7	Sinh hoạt phí, trang cấp ban đầu, tiền vé xe lưu học sinh, học viên Lào			15.046.380
2.8	Kinh phí chi cho hỗ trợ tập luyện và biểu diễn phục vụ các chương trình văn hóa nghệ thuật			144.000

TT	Nội dung	Kinh phí		Tổng số
		Hệ Sur phạm	Hệ ngoài Sur phạm	
	chính trị của ngành, của tỉnh			
2.9	Kinh phí vận hành trạm biển áp			74.000
2.10	Kinh phí chi cho đào tạo cấp chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - An ninh			198.640
2.11	Kinh phí đoàn công tác sang Lào, đón đoàn Lào			349.200
2.12	Kinh phí Sửa chữa, nâng cấp hệ thống phòng cháy chữa cháy tại Cơ sở 1, Trường Cao đẳng Sơn La			4.980.000
2.13	Kinh phí Số hóa tài liệu, hồ sơ; bài giảng phục vụ công tác đào tạo			4.500.000
2.14	Kinh phí tinh giản biên chế			1.155
	Cộng (1+2)			98.338.126

C. KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NGÂN SÁCH 03 NĂM GIAI ĐOẠN 2026-2028

Bên cạnh nhiệm vụ xây dựng dự toán NSNN năm 2025, căn cứ vào chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội chủ yếu trong 03 năm kế hoạch, đơn vị tiếp tục thực hiện theo các văn bản chỉ đạo hướng dẫn của Nhà nước, xây dựng kế hoạch chi giai đoạn 2026-2028, cụ thể như sau:

SỐ TT	LĨNH VỰC ⁽¹⁾ /NỘI DUNG CHI	THỰC HIỆN NĂM 2025	NHU CẦU NĂM 2026	NHU CẦU NĂM 2027	NHU CẦU NĂM 2028
	TỔNG NHU CẦU CHI THƯỜNG XUYỀN	139.044	224.003	221.650	221.981
	TRONG ĐÓ:				
	- CHI THƯỜNG XUYỀN CƠ SỞ	137.474	222.080	219.572	219.737
	- CHI THƯỜNG XUYỀN MỚI	1.570	1.923	2.077	2.243
	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	139.044	224.003	221.650	221.981
a	Chi thường xuyên cơ sở	137.474	222.080	219.572	219.737
-1	Dự toán/dự kiến bố trí	137.474	162.239	222.080	222.080
-2	Các điều chỉnh chi tiêu cơ sở	0	63.062	-2.507	-2.343
*	Các khoản điều chỉnh tăng	0	66.284	553	565
	- Nâng lương ngạch, bậc thường xuyên theo niên hạn		551	553	565
	- Chi trả chế độ chính sách XH cho HSSV		65.733		
*	Các khoản điều chỉnh giảm		-3.222	-3.061	-2.908
	- Giảm quỹ lương do giảm biên chế hàng năm		-3.222	-3.061	-2.908
b	Chi thường xuyên mới⁽²⁾	1.570	1.923	2.077	2.243
-1	Kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động, chế độ, chính sách đã ban hành trước đây nhưng đến giai đoạn kế hoạch này mới bố trí được nguồn để triển khai	0	0	0	0

SỐ TT	LĨNH VỰC ⁽¹⁾ /NỘI DUNG CHI	THỰC HIỆN NĂM 2025	NHU CẦU NĂM 2026	NHU CẦU NĂM 2027	NHU CẦU NĂM 2028
-2	Kinh phí duy trì thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động mới được bổ sung ở năm hiện hành, tiếp tục thực hiện năm dự toán và các năm tiếp theo.	0	0	0	0
-3	Kinh phí tăng thêm khi tăng quy mô biên chế của cơ quan, đơn vị theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền	0	0	0	0
-4	Kinh phí duy tu bảo dưỡng máy móc, trang thiết bị để vận hành các dự án đầu tư mới hoàn thành, đưa vào sử dụng trong năm dự toán;	0	0	0	0
-5	Kinh phí cho các nhiệm vụ, hoạt động, chế độ, chính sách bắt đầu thực hiện trong năm dự toán, bao gồm cả kinh phí sự nghiệp đối ứng cho các dự án mới sử dụng vốn ngoài nước	0	0	0	0
	- Kinh phí Nghị định 116/2020/NĐ-CP		0		
-6	Kinh phí thực hiện cải cách mức tiền lương cơ sở theo quyết định của cấp có thẩm quyền.	1.570	1.923	2.077	2.243

Trường Cao đẳng Sơn La báo cáo đánh giá tình hình thu, chi 6 tháng và cả năm 2025, thuyết minh lập dự toán kinh phí cho các nhiệm vụ của nhà trường năm 2026 và xây dựng kế hoạch tài chính 3 năm giai đoạn 2026-2028. Kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La, Sở Tài chính tỉnh Sơn La tổng hợp báo cáo trình phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Ban Giám hiệu;
- Lưu VT-KHTC (05b).

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đức Long